TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bá**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Thành Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tr xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim L**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Minh Ch** – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

*2. Bị đơn:*Anh **Võ Hữu Th**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Bà **Bùi Thị Hiền**, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Hữu Th thành hôn vào tháng 12 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 11/9/2012. Thời gian chung sống khoảng trên 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, thường cải vả, bất đồng quan điểm do anh Th là người chồng vô trách nhiệm với vợ, không biết làm ăn, chơi bời liêu lõng, là người đàn ông chỉ biết đưa tay xin tiền của vợ, không có tương lai sự nghiệp, chỉ biết làm khổ vợ và vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2012 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 20/7/2012, hiện cháu đang sống với bà nội, khi chị bỏ nhà chồng ra đi cha mẹ chồng không cho chị ẩm con theo nên chị để lại cho mẹ chồng nuôi cho đến nay. Vì vậy chị đồng ý nhường quyền nuôi con lại cho bên chồng, việc cấp dưỡng nuôi con để chị tự thương lượng với bên chồng giải quyết ngoài Tòa án.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 14/9/2018, người làm chứng bà Bùi Thị H trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Th, giữa anh Th và chị L thành hôn có tổ chức lễ cưới vào năm 2011. Sau khi kết hôn L đi làm ăn còn anh Th thì ở nhà không lo làm ăn để lo cho vợ con, bà thấy vợ chồng Th sống không hạnh phúc. Về con chung thì giữa thì vợ chồng Th có một con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 20/7/2012 hiện đang sống chung với anh Th, hiện tại cháu Khang đang học lợp 1 tại Trường Tiểu học xã Ph, điều kiện Th nuôi con cũng đảm bảo, chị L cũng có về thăm con. Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng Th không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử cho chị L ly hôn với anh Th. Con chung chị L đồng ý để anh Th tiếp tục nuôi con, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, chị L được quyền thăm nom, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Tài sản chung chị L không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kim L, xử cho chị L ly hôn với anh Võ Hữu Th. Về con chung: Giao cháu Võ Duy Kh, sinh ngày 20/7/2012 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Nguyễn Kim L phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Kim L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Võ Hữu Th cư trú tại ấp P, xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Kim L có đơn xin vắng mặt ngày 13/8/2018, bị đơn anh Võ Hữu Th được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Người làm chứng bà Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Kim L và anh Võ Hữu Th thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74 vào ngày 11/9/2012 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu anh chị sống có hạnh phúc được khoảng trên 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, thường cải vả, bất đồng quan điểm theo như chị L cũng như bà Hiền là mẹ ruột của anh Th trình bày là do anh Th không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10 năm 2012 đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh Th vẫn vắng

mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị L và anh Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung Võ Duy Kh, sinh ngày 20/7/2012 hiện đang sống trực tiếp với anh Th, cuộc sống cũng đảm bảo, chị L đồng ý để anh Th được tiếp tục nuôi con, về cấp đưỡng nuôi con thì để chị và anh Th tự thỏa thuận. Anh Th không có văn bản ý kiến về vấn đề nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Kim L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim L phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Kim L. Xử cho chị L ly hôn với anh Võ Hữu Th.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 20/7/2012 cho anh Võ Hữu Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Kim L nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu số 0014762 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã Ph, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 11/9/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm